

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 11-8-2021.
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thành.
2. Ông Nguyễn Văn Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số 06 Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2021/ TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 26/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 8B, xã TP, thị xã H T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn H (Tên gọi khác: Nguyễn Văn H), sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 8B, xã TP, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2021, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Nguyễn H kết hôn tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Chị T, anh H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, thị xã HT ngày 23/9/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã TP, thị xã Hương Thủy. Hai người chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, khoảng năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh

H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và không chung thủy với chị T, không quan tâm đến gia đình và vợ con. Vì vậy anh H và chị T đã sống ly thân khoảng hơn 15 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau, chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn H.

Về con chung: Chị T, anh H chung sống có 01 người con tên là Nguyễn Q, sinh ngày 17/4/2006. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu Q hiện đang ở với chị T. Nguyên vọng của cháu Q xin được ở với chị T.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn H: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh H, quá thời hạn quy định vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục tổng đạt các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không hòa giải được, do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn H; giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 17/4/2006 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con không ai được cản trở; không xem xét về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhiều lần nhưng anh H vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn H.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn H, có nơi cư trú tại: Thôn 08B, xã TP, thị xã

Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về hôn quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn H sau khi tìm hiểu nhau đã tự nguyện kết hôn ngày 23/9/2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, thị xã HT nên Hội đồng xét xử xác nhận đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tại biên bản xác minh ngày 09/6/2021 của UBND xã TP thể hiện: Quá trình chung sống, chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, do đó hai người sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh H không đến, chứng tỏ anh H không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh H sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn chung sống với nhau được. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn H.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn H có 01 con chung là Nguyễn Q, sinh ngày 17/4/2006 hiện đang ở với chị T. Thời gian sống ly thân chị T một mình nuôi cháu Q từ đó cho đến nay. Nay Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu Q cũng muốn được ở với chị T. Hội đồng xét xử thấy: Yêu cầu của chị T là hợp lý, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị T đang làm công nhân, 01 tháng thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, đủ đảm bảo kinh tế để nuôi dưỡng con. Do đó, chị không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi. Việc không yêu cầu của chị T là tự nguyện, nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị Lê Thị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn H (Tên gọi khác: Nguyễn Văn H).

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 17/4/2006 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), anh Nguyễn H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn H không yêu cầu giải quyết tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị Lê Thị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/ 0001331 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- UBND xã HH, thị xã Hương Trà, đăng ký kết hôn số 67, quyền số 01/2003.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân